BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Số: 1498 /TB-ĐHVL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, NĂM 2024

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1197/QĐ-ĐHVL ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Tờ trình số 79/2023/TTr-V.SĐH ngày 29 tháng 09 năm 2023 của Viện trưởng Sau đại học về học phí, các chế độ và chính sách tuyển sinh chương trình đào tạo Sau đại học, năm 2024.

Thực hiện Kế hoạch số 23/2023/KH-V.SĐH ngày 19 tháng 09 năm 2023 của Viện trưởng Viện Sau đại học về việc tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ, năm 2024, Trường Đại học Văn Lang thông báo tuyển sinh các ngành, như sau:

I. Ngành tuyển sinh

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CÁC ĐỢT XÉT TUYỂN		
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
1	9440301	Khoa học Môi trường	X	X	X

II. Học bổ sung kiến thức

Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển sẽ phải tham gia học bổ sung kiến thức một số môn trước khi xét tuyển và hoàn thành đóng học phí các học phần học bổ sung kiến thức theo quy định của Nhà trường.

Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức cho từng đối tượng được quy định trong chương trình đào tạo của từng ngành *(tham khảo tại phụ lục 01)*.

III. Thông tin về chương trình đào tạo

1. Thời gian đào tạo và điều kiện dự tuyển

1.1. Thời gian đào tạo: 03 năm *(36 tháng)* – 04 năm *(48 tháng)*.

1.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1.2.1. Đối tượng dự tuyển

a. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ; Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

b. Trường hợp văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định.

c. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc 01 bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 24 tháng trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

d. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoa.

1.2.2. Điều kiện Ngoại ngữ

a. Yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam cần đạt yêu cầu năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 *(theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)* do Bộ Giáo dục Giáo dục Đào tạo công bố.

b. Yêu cầu năng lực ngoại ngữ đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài:

Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt yêu cầu trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp Đại học *(hoặc trình độ tương đương trở lên)* mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

2. Các đợt tuyển sinh năm 2024 *(*)*

Đợt tuyển sinh	**Thời gian nhận hồ sơ**		**Thời gian công bố kết quả trúng tuyển** *(Dự kiến)*	**Thời gian nhập học** *(Dự kiến)*
	Từ ngày	**Đến ngày**		
Đợt 1	01/11/2023	09/12/2023	26/12/2023	02/2024
Đợt 2	10/12/2023	20/04/2024	04/05/2024	06/2024
Đợt 3	21/04/2024	12/06/2024	27/07/2024	09/2024

IV. Hồ sơ đăng ký - Lệ phí và học phí

1. Hồ sơ đăng ký

a. Đơn xin đăng ký dự tuyển *(theo mẫu)*.

b.Lý lịch khoa học của người dự tuyển *(theo mẫu)*.

c. Đề cương nghiên cứu của Luận án tiến sĩ.

d. Thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học là giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ, không phải là người hướng dẫn, trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển.

e. Bản sao công chứng bằng đại học và bảng điểm (*không quá 06 tháng, trường hợp người dự tuyển từ trình độ Đại học)*.

f. Bản sao công chứng bằng thạc sĩ và bảng điểm cao học *(không quá 06 tháng)*.

g. Bản sao công chứng các văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ *(nếu có)*.

h. Bản sao công chứng chứng nhận kết quả học tập bổ sung kiến thức *(nếu có)*.

i. Giấy chứng nhận thâm niên công tác nếu là giảng viên, nghiên cứu viên có xác nhận của đơn vị đang công tác *(nếu có)*.

j. Bản sao các bài báo khoa học đã công bố *(nếu có)*.

k. Một (01) giấy khám sức khỏe *(không quá 06 tháng)*.

l. Ba (03) ảnh màu cỡ 4×6.

m. Giấy chứng nhận của Cục Quản lý Chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp *(không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện "Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học") (nếu có)*.

n. Hồ sơ dự tuyển học bổng *(nếu có)*.

o. Biên lai nộp lệ phí xét tuyển.

2. Hình thức đăng ký dự tuyển

a. Nộp hồ sơ trực tuyến qua webiste: *http://saudaihoc.vanlanguni.edu.vn* sau khi hoàn thành việc đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ bản sao y công chứng về Viện Sau đại học chậm nhất vào ngày kết thúc nhận hồ sơ của đợt tuyển sinh.

b. Nộp trực tiếp: tại Viện Sau đại học hoặc gửi qua Bưu điện.

3. Chính sách miễn giảm học phí và học bổng

Đối với trường hợp người học cùng lúc có nhiều chính sách miễn giảm học phí, thì chỉ được chọn một mức chính sách cao nhất để áp dụng.

3.1. Các chính sách miễn giảm học phí

a. Giảm 5% học phí cho học viên đóng toàn bộ học phí một lần. Những học viên được nhận học bổng từ 30% trở xuống cũng sẽ được **giảm thêm 5%** học phí *(thực đóng)* khi đóng học phí một lần.

b. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho học viên là người dân tộc thiểu số *(theo quy định của Nhà nước)*.

c. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho học viên là con thương/bệnh binh.

d. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho cha/mẹ, anh/chị/em ruột cùng học tại Trường.

e. Giảm 10% học phí toàn khóa học cho học viên là cựu sinh viên Văn Lang.

f. Giảm 30% học phí toàn khóa học cho học viên là thương/bệnh binh.

g. Giảm 30% học phí toàn khóa cho học viên là người khuyết tật *(nếu có nguyện vọng)*.

** Trường hợp cùng thỏa mãn các điều nêu trên, chỉ một chính sách mà học viên được giảm nhiều nhất sẽ được chọn để áp dụng.*

3.2. Chính sách học bổng đối với nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh có thể nhận được học bổng **từ 30% đến 100%** học phí toàn khóa khi đăng ký ứng tuyển học bổng và kèm theo điều kiện cam kết đối với các mức học bổng tương đương *(theo Phụ lục 2 đính kèm)*.

Ngoài các chính sách miễn giảm học phí đã nêu tại Mục 3.1, học viên nữ, người khuyết tật hoặc người dân tộc thiểu số *(theo quy định của Nhà nước)* được **nhận thêm học bổng** tương đương **10%** học phí toàn khóa khi tham gia chương trình đào tạo Sau đại học ngành Khoa học Môi trường tại Trường Đại học Văn Lang.

4. Lệ phí và học phí

STT	Khoản mục	Số tiền	Diễn giải
1	Lệ phí xét tuyển	500.000 đồng	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển khi nộp hồ sơ dự tuyển.
2	Lệ phí nhập học	1.000.000 đồng	Học viên nộp cùng lúc với học phí học kì đầu tiên. Lệ phí được sử dụng cho các công tác tổ chức nhập học cho học viên.
3	Lệ phí học bổ sung kiến thức *(nếu có)*	1.500.000 đồng/môn	Học viên học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường.

STT	Khoản mục	Số tiền	Diễn giải
4	Học phí	136.500.000 đồng	Học phí toàn khóa học *(xem chi tiết tại Phụ lục III).*

Lưu ý: *Thí sinh không được hoàn lệ phí xét tuyển, lệ phí nhập học và lệ phí bổ sung kiến thức sau khi có thông báo triển khai tổ chức lớp học.*

5. Phương thức thanh toán lệ phí – học phí

Người học chuyển khoản từ tất cả các ngân hàng đến tài khoản ngân hàng của Nhà trường, theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**
- Số tài khoản: **1602201363522**
- Ngân hàng thụ hưởng: **Ngân hàng Agribank CN3 – HCM**
- Nội dung chuyển khoản: **SDH - Họ và tên – MSHV/CCCD – Le phi…/Hoc phi…**

V. Thông tin liên hệ:

Viện Sau đại học – Trường Đại học Văn Lang

Điện thoại: (028) 71 016 869

Email: *v.sdh@vlu.edu.vn* hoặc *hotrohocvien.sdh@vlu.edu.vn*

Website: *saudaihoc.vanlanguni.edu.vn*

Địa chỉ: Phòng 2.01, Toà nhà A, Cơ sở chính Trường Đại học Văn Lang, *(Số 69/68 Đường Đặng Thùy Trâm, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).*

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐT;
- VP. Ban Giám hiệu;
- Các Khoa, Viện, Phòng, Ban;
- Lưu: P.HC&QTNNL, V.SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01

Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1498 /TB-ĐHVL ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

STT	NGÀNH DỰ TUYỂN	CÁC NGÀNH PHÙ HỢP	HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC (CĂN CỨ TRÊN BẢNG ĐIỂM)
1	Khoa học Môi trường	Kỹ thuật môi trường (7520320, 8520320); Quản lý tài nguyên và môi trường (7850101, 8850101) xây dựng, kỹ thuật nhiệt, sinh học, công nghệ sinh học, địa chất học, địa lý tự nhiên, kỹ thuật sinh học, sinh học ứng dụng, khí tượng học, thủy văn, hải dương học, công nghệ kỹ thuật hóa học, công nghệ thực phẩm, kỹ thuật hóa học, kỹ thuật địa chất, kiến trúc, kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật tài nguyên nước, quy hoạch vùng và đô thị, quản lý tài nguyên rừng, nông nghiệp, khoa học đất, quản lý đất đai, bảo hộ lao động, phát triển nông thôn, công nghệ thông tin, quản lý nguồn lợi thủy sản, công nghệ kỹ thuật xây dựng, khoa học Trái Đất, Khoa học ứng dụng, Ngành Mô hình và mô phỏng cơ khí năng lượng, ngành Vật Lý, ngành Vật lý hạt nhân	Các học phần Bổ sung kiến thức sẽ được quyết định theo yêu cầu của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa chuyên môn.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

(Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TPKH-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03
DANH MỤC HỌC PHÍ CHI TIẾT VÀ MỨC HỌC PHÍ CẦN THANH TOÁN CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1498 /TB-ĐHVL ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	TÍN CHỈ	HỌC PHÍ *(Đơn vị: đồng)*	MỨC HỌC PHÍ THANH TOÁN *(Đơn vị: đồng)*		
					NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3
1	9440301	Khoa học môi trường	90	**136.500.000**	***Đợt 1:*** 25.000.000 ***Đợt 2:*** 25.000.000	***Đợt 1:*** 25.000.000 ***Đợt 2:*** 25.000.000	***Đợt 1:*** 18.250.000 ***Đợt 2:*** 18.250.000

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04
ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN HỌC BỔNG VÀ CAM KẾT HỌC BỔNG *(*)*
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1498 /TB-ĐHVL ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

Học viên Sau đại học có mong muốn nhận học bổng theo học chương trình tiến sĩ của Trường Đại học Văn Lang có thể nộp đơn dự tuyển học bổng. Quyết định về việc cấp học bổng, mức học bổng và các điều kiện duy trì học bổng sẽ do Hội đồng xét học bổng quyết định. Việc cấp học bổng sẽ được cân nhắc dựa trên các tiêu chí về năng lực, cam kết và nhu cầu về tài chính của người học. Một số các tiêu chí về năng lực và cam kết tham khảo khi ứng tuyển học bổng đào tạo Sau đại học, như sau:

TT	Mức học bổng ngành Khoa học môi trường	Năng lực	Cam kết
1	80% – 100%	- Đáp ứng điều kiện trúng tuyển nghiên cứu sinh theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; - Đã công bố ACI/SCOPUS/ ISI *hoặc* được HĐGSNN tính tối đa từ 0.5 điểm trở lên.	1. Cam kết đúng tiến độ đào tạo tiêu chuẩn. 2. Đảm bảo điểm TBTL học kỳ đạt từ 6.5/10 điểm. 3. Cam kết tối thiểu về công bố khoa học: 02 bài báo SCOPUS và 01 bài báo tạp chí khoa học được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm trở lên.
2	50% – 79%	- Đáp ứng điều kiện trúng tuyển nghiên cứu sinh theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; - Đã có công bố trên các tạp chí được HĐGSNN tính tối đa 0.25 điểm.	1. Cam kết đúng tiến độ đào tạo tiêu chuẩn. 2. Đảm bảo điểm TBTL học kỳ đạt từ 6.5/10 điểm. 3. Cam kết tối thiểu về công bố khoa học: 01 bài báo SCOPUS, 01 bài báo ACI và 01 bài tạp chí khoa học được HĐGSNN tính từ 0.5 điểm trở lên.
3	30% - 49%	Đáp ứng điều kiện trúng tuyển nghiên cứu sinh theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021.	1. Cam kết đúng tiến độ đào tạo tiêu chuẩn. 2. Đảm bảo điểm TBTL học kỳ đạt từ 6.5/10 điểm. 3. Cam kết tối thiểu về công bố khoa học: 02 bài báo ACI và 01 bài tạp chí khoa học được HĐGSNN tính từ 0.25 điểm trở lên.

(*) Lưu ý:

1. Người học có thể đăng ký ứng tuyển các mức học bổng tương đương và đề xuất các cam kết tuỳ theo năng lực bản thân. Ưu tiên những ứng viên có đề tài nghiên cứu khoa

học sinh viên hoặc các thành tựu khoa học khác *(chứng nhận sản phẩm, bài báo khoa học, báo cáo hội nghị...)*.

2. Hội đồng xét duyệt học bổng sẽ xem xét hồ sơ dự tuyển của ứng viên và phê duyệt các mức học bổng phù hợp; Đối với ứng viên không đạt mức học bổng dự tuyển, Nhà trường có thể được xem xét đề nghị các mức học bổng thấp hơn nếu ứng viên đồng ý các cam kết của mức học bổng tương đương.

3. Số lượng học bổng tuyển sinh được phê duyệt có giới hạn và căn cứ trên Quỹ học bổng Sau đại học được Ban Giám hiệu Trường Đại học Văn Lang phê duyệt cho mỗi đợt.

4. Số lượng và mức học bổng tuyển sinh được phê duyệt theo mức độ ưu tiên từng ngành, căn cứ trên Quỹ học bổng Sau đại học được Ban Giám hiệu Trường Đại học Văn Lang phê duyệt cho mỗi đợt tuyển sinh.

5. Giải thích từ ngữ:

- *Cam kết đúng tiến độ đào tạo tiêu chuẩn:* là học viên cam kết học theo đúng kế hoạch đào tạo Khoa sắp xếp;

- *Điểm TBTL*: là điểm trung bình tích lũy học phần tại thời điểm kiểm tra, xét duyệt lại học bổng cho đợt đóng học phí tiếp theo hoặc tại thời điểm kết thúc khóa học;

- *Cam kết về nghiên cứu khoa học*: cam kết này sẽ được kiểm tra trước khi xét tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ.